TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 09 - 5 - 2025
"V/v *Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

Ông Nguyễn Trung Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện TC tham gia phiên toà: Ông Thạch I Ran- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Ngọc Đ, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, Huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Kim T, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã P, Huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Hiện đang chấp hành án tại trại giam B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc Đ trình bày:

Vào ngày 18/4/2011, chị xác lập quan hệ vợ chồng với anh Kim T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, Huyện T, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống chị và anh T có hai con chung tên Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015, không xác lập tài sản chung và cũng không có nợ chung. Thời gian gần đây vợ chồng sống chung không hợp, do anh T có tình cảm với người phụ nữ khác nên chị từng xin ly hôn với anh. Sau khi tòa án thụ lý anh T năn nỉ chị đã rút đơn tạo điều kiện cho anh T sửa đổi để cùng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Nhưng sau đó anh T vẫn không thay đổi. Hiện chị không còn tình cảm với anh T nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết ly hôn với anh T. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Kim T.

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 4 năm 2025 bị đơn anh Kim T trình bày:

Vào năm 2011 anh kết hôn với chị Thạch Thị Ngọc Đ và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh theo giấy kết hôn số 47 quyển số 01 ngày 18/4/2011. Trong quá trình sống chung anh và chị Đ có hai người con chung tên Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015; tài sản chung và nợ chung không có. Thời gian sống chung vợ chồng không hiểu nhau, không quan tâm nhau, phát sinh cãi vả, từ đó vợ chồng không ai nói, ai nghe. Do đó chị Đ quyết định ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Về con chung: anh đồng ý giao hai con chung là Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Đ và anh T thống nhất giao hai người con chung tên Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Đ nuôi theo nguyện vọng của cháu 02 con chung và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh T thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc Đ về việc cho chị ly hôn với anh Kim T; về con chung chấp nhận yêu cầu của chị Đ giao 02 con chung là Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; buộc chị Thạch Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Kim T. Đồng thời bị đơn anh Kim T có địa chỉ tại ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt chị Đ và anh T (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị Đ và anh T khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 quyển số 01, vào ngày 18/4/2011. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 18/4/2011 nên xác định hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị Đ trình

bày do vợ chồng sống chung không hợp, do anh T có người phụ nữ khác, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Đ nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên xin ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân của hai bên đã phát sinh mâu thuẫn họ có tranh cãi và đã từng có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TC giải quyết nhưng sau đó chị Đ rút đơn lại để cho anh T cơ hội sửa đổi. Nhưng đến nay chị không còn tình cảm với anh T nữa.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị Đ và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không ai quan tâm cuộc sống của ai làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời chị Đ xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị Ngọc Đ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Thạch Thị Ngọc Đ và anh Kim T có 02 người con chung tên Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015 chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 28/4/2025 của cháu Kim Ngọc H và Kim Ngọc T1 (bút lục 24-25) thể hiện cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ. Xét anh Kim T đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam B do đó không đủ điều kiện để nuôi con. Chị Đ là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các con. Do đó việc giao con cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo không thay đổi môi trường sống và phù hợp nguyện vọng của con chung. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ giao 02 con chung tên Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Từ lúc thụ lý vụ án Tòa án đã giải thích về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Thạch Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Kim T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc Đ được ly hôn với bị đơn anh Kim T.

2. Về con chung: Chị Thạch Thị Ngọc Đ và anh Kim T có 02 người con chung tên Kim Ngọc H, sinh ngày 05/3/2012 và Kim Ngọc T1, sinh ngày 11/10/2015. Giao cho chị Đ trực tiếp nuôi 02 con chung theo nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án đã giải thích cho chị Đ về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị Ngọc Đ và anh Kim T khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006089 ngày 17/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị Ngọc Đ đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã P, huyện TC, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền